

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01/8/2024

“V/v ly hôn, con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long và bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn, con chung”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1989; Địa chỉ: D L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Hữu M, sinh năm 1988; Địa chỉ: D L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hiện đang chấp hành án trại Trại Giam Đ, Bộ C; Địa chỉ: Huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Phương T trình bày:

Bà Nguyễn Phương T và ông Trần Hữu M tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B vào ngày 21/7/2009.

Thời gian đầu ông bà sống chung hạnh phúc và yêu thương nhau, tuy nhiên từ năm 2018 đến nay, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông M hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà T có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Trần Hữu M.

Về con chung: Bà T và ông M có 01 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 26/4/2009, ông M hiện đang chấp hành án nên bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Trần Hữu M trình bày:

Bà Nguyễn Phương T và ông Trần Hữu M là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B vào ngày 21/7/2009.

Thời gian đầu ông bà sống chung hạnh phúc và yêu thương nhau, tuy nhiên từ năm 2018 đến nay, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông M chấp hành án từ năm 2019 tới nay nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay bà T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì ông M đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông M có 01 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 26/4/2009, hiện con chung đang sống cùng bố mẹ ông M. Khi ly hôn thì ông M không đồng ý với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con của bà T. Ông M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy

định tại Điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phương T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phương T được ly hôn với ông Trần Hữu M.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 26/4/2009 cho bà Nguyễn Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Trần Hữu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Phương T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Phương T và ông Trần Hữu M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Hữu M, cư trú tại D L, phường E, thành phố B, Đắk Lắk, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, Bộ C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Ly hôn, con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phương T và ông Trần Hữu M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B vào ngày 21/7/2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Phương T và ông Trần Hữu M đều thừa nhận trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, ông M đã chấp hành án từ năm 2019 cho tới nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn ông M, ông M cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì quá trình sống chung ông M và bà T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Phương T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T, ông M có 01 con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 26/4/2009. Bà T và ông M đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Xét thấy bà T đủ điều kiện nuôi con, con chung có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Nguyễn Phương T, mặt khác ông M đang chấp hành án tại Trại giam Đ, vì quyền lợi, cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao con chung là cháu Trần Gia B cho Nguyễn Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Trần Hữu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Phương T không yêu cầu ông Trần Hữu M cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Phương T và ông Trần Hữu M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phương T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phương T được ly hôn ông Trần Hữu M.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 26/4/2009 cho bà Nguyễn Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Trần Hữu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Phương T không yêu cầu ông Trần Hữu M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Phương T và ông Trần Hữu M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Lê Văn T1 đã nộp thay cho bà Nguyễn Phương T theo biên lai thu số AA/2023/0009941 ngày 24/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- UBND phường Ea Tam;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

(ĐÃ KÝ)

Lê Đình Thanh